

Số: 484 /QĐ-ĐHL

Huế, ngày 07 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024 - 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

*Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Biên bản họp ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng xét miễn, giảm học phí chế độ chính sách sinh viên học kỳ II năm học 2024-2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024 – 2025 cho **288** sinh viên hệ chính quy. Trong đó:

- Miễn học phí: 100 sinh viên.
- Giảm 70% học phí: 174 sinh viên.
- Giảm 50% học phí: 14 sinh viên.

*(có danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí kèm theo)*

**Điều 2.** Trưởng phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Đại học Huế (để b/c);
- Lưu: VT, CTSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đoàn Đức Lương**

**DANH SÁCH**  
**SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024- 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 484 /QĐ-ĐHL ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng)

**I. MIỄN HỌC PHÍ**

| STT | Mã SV      | Họ và tên      |       | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------|-------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 21A5010057 | Siu H'         | Nina  | 07/11/2003 | Luật K45    | DT - Hộ nghèo        |
| 2   | 21A5010066 | Hồ Thị Thu     | Quân  | 02/06/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 3   | 21A5010094 | Nguyễn Đăng    | Triều | 13/06/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 4   | 21A5010151 | Nguyễn Quốc    | Khánh | 01/09/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 5   | 21A5010225 | Nông Thị Bích  | Hiền  | 24/04/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 6   | 21A5010257 | Lò Văn         | Quốc  | 28/06/2002 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 7   | 21A5010280 | Lê Thị Hồng    | Linh  | 17/03/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 8   | 21A5010293 | Hoàng Hoài     | Quý   | 01/12/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 9   | 21A5010375 | Lê Thị Ngọc    | Ánh   | 04/03/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 10  | 21A5010439 | Alăng          | Dâng  | 08/07/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 11  | 21A5010447 | Alăng Thị Lệ   | Đào   | 24/05/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 12  | 21A5010458 | Nông Thị       | Đẹp   | 28/01/2003 | Luật K45    | Con mồ côi           |
| 13  | 21A5010582 | Vừ A           | Hồ    | 01/06/2001 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 14  | 21A5010754 | Lê Thị         | Lộc   | 25/06/2003 | Luật K45    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 15  | 21A5011108 | Nguyễn Thị     | Thảo  | 07/10/2003 | Luật K45    | Con CBHĐKCLNVQT      |
| 16  | 21A5011183 | Trần Thị Thu   | Trang | 19/04/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 17  | 21A5011345 | Trần Thị       | Huyền | 08/02/2003 | Luật K45    | Con TB-08            |
| 18  | 21A5020021 | Trần Thị Bảo   | Hạnh  | 17/04/2003 | LKT K45     | Khuyết tật           |
| 19  | 21A5020028 | Vy Thị Diệu    | Hoà   | 14/11/2003 | LKT K45     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 20  | 21A5020032 | Hoàng Văn      | Hùng  | 01/05/1999 | LKT K45     | Con TB-08            |
| 21  | 21A5020110 | Nguyễn Thị Thu | Trang | 14/02/2003 | LKT K45     | Con TB-08            |
| 22  | 21A5020165 | Lê Thị Thanh   | Hương | 22/10/2003 | LKT K45     | Con TB-08            |
| 23  | 21A5020283 | Lê Hữu         | Tăng  | 03/09/2002 | LKT K45     | Khuyết tật           |
| 24  | 21A5020311 | Nguyễn Thị     | Thắm  | 27/07/2002 | LKT K45     | Con TB-08            |
| 25  | 21A5020724 | Trần Hồ Như    | Loan  | 23/12/2003 | LKT K45     | Con TB-08            |
| 26  | 21A5020820 | Trịnh Thị Kim  | Ngọc  | 27/04/2003 | LKT K45     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 27  | 21A5021015 | Trần Mai Tuấn  | Tâm   | 11/09/2003 | LKT K45     | Con mồ côi           |
| 28  | 22A5010033 | Trần Hữu       | Công  | 07/03/2004 | Luật K46    | Con TB-08            |
| 29  | 22A5010128 | Hoàng Thị Mai  | Hương | 07/08/2004 | Luật K46    | DT - Hộ nghèo        |
| 30  | 22A5010143 | Siu            | Ju ki | 22/06/2004 | Luật K46    | DT - Hộ cận nghèo    |

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-----------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 31  | 22A5010356 | Hồ Thị          | <b>Thương</b> | 15/07/2004 | Luật K46    | DT - Hộ nghèo        |
| 32  | 22A5010362 | Đinh Thị Thanh  | <b>Thủy</b>   | 01/10/2004 | Luật K46    | DT - Hộ nghèo        |
| 33  | 22A5010373 | Hồ Thị          | <b>Tinh</b>   | 04/06/2004 | Luật K46    | DT - Hộ nghèo        |
| 34  | 22A5010456 | Trần Thị Mỹ     | <b>Châu</b>   | 17/11/2004 | Luật K46    | DT - Hộ nghèo        |
| 35  | 22A5010551 | Ksor            | <b>Khiết</b>  | 05/11/2004 | Luật K46    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 36  | 22A5010563 | Lý Văn          | <b>Lầu</b>    | 28/07/2002 | Luật K46    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 37  | 22A5010592 | Phạm Đức        | <b>Mạnh</b>   | 04/04/2004 | Luật K46    | Khuyết tật           |
| 38  | 22A5010604 | H Dung          | <b>My</b>     | 23/12/2004 | Luật K46    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 39  | 22A5010826 | H' Him          | <b>Mlô</b>    | 08/03/2002 | Luật K46    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 40  | 22A5020006 | Huỳnh Thị Bình  | <b>An</b>     | 20/12/2004 | LKT K46     | Khuyết tật           |
| 41  | 22A5020028 | Vi Tuấn         | <b>Anh</b>    | 15/05/2003 | LKT K46     | DT - Hộ nghèo        |
| 42  | 22A5020132 | Trần Phương     | <b>Hiền</b>   | 05/01/2004 | LKT K46     | Con TB-08            |
| 43  | 22A5020287 | Lê Thị          | <b>Nguyễn</b> | 28/09/2004 | LKT K46     | Con CB HĐKCNCĐHH     |
| 44  | 22A5020304 | Phạm Thanh      | <b>Nhi</b>    | 26/08/2004 | LKT K46     | Con mồ côi           |
| 45  | 22A5020362 | Đinh Thị        | <b>Sợi</b>    | 03/07/2004 | LKT K46     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 46  | 22A5020401 | A               | <b>Thiệt</b>  | 20/01/2004 | LKT K46     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 47  | 22A5020402 | Hồ Thị          | <b>Thim</b>   | 01/03/2004 | LKT K46     | DT - Hộ nghèo        |
| 48  | 22A5020426 | Puih            | <b>Thương</b> | 10/12/2004 | LKT K46     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 49  | 23A5010059 | K'              | <b>Biêng</b>  | 23/10/2003 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 50  | 23A5010066 | Nguyễn Tấn Sơn  | <b>Ca</b>     | 16/03/2004 | Luật K47    | Con TB-08            |
| 51  | 23A5010076 | Lê Thị Bảo      | <b>Châu</b>   | 21/07/2004 | Luật K47    | Khuyết tật           |
| 52  | 23A5010082 | Mai Thị Ngọc    | <b>Chi</b>    | 30/01/2004 | Luật K47    | Khuyết tật           |
| 53  | 23A5010098 | Vi Thành        | <b>Đạt</b>    | 23/04/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 54  | 23A5010102 | Zơ Râm Hiền     | <b>Diễn</b>   | 26/12/2004 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 55  | 23A5010135 | Rơ Châm         | <b>Duyệt</b>  | 06/11/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 56  | 23A5010163 | Đặng Thị        | <b>Hạ</b>     | 01/01/2005 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 57  | 23A5010220 | Lê Việt         | <b>Hoàng</b>  | 16/10/2005 | Luật K47    | Con TB-08            |
| 58  | 23A5010588 | Lê Thị Hoài     | <b>Phương</b> | 14/10/2005 | Luật K47    | Con TB-08            |
| 59  | 23A5010713 | A Viết          | <b>Thìn</b>   | 24/03/2003 | Luật K47    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 60  | 23A5010722 | Nguyễn Thị      | <b>Thoa</b>   | 30/04/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 61  | 23A5010839 | Nguyễn Hoàng Tố | <b>Uyên</b>   | 15/05/2005 | Luật K47    | Khuyết tật           |
| 62  | 23A5010890 | Nguyễn Chí      | <b>Vỹ</b>     | 30/07/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 63  | 23A5010899 | Siu H'          | <b>Ý</b>      | 11/05/2005 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 64  | 23A5010915 | Kring           | <b>Mỹ</b>     | 25/03/2004 | Luật K47    | DT - Hộ nghèo        |
| 65  | 22A5020795 | Vô Tường        | <b>Vy</b>     | 31/08/2004 | LKT K47     | Khuyết tật           |
| 66  | 23A5020019 | Bùi Minh        | <b>Anh</b>    | 31/03/2005 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 67  | 23A5020088 | Nông Đức        | <b>Chí</b>    | 22/06/2004 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 68  | 23A5020092 | Nông Thị Hồng   | <b>Chuyên</b> | 26/01/2005 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |

| STT | Mã SV      | Họ và tên                    | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 69  | 23A5020134 | Nguyễn Thị Thùy <b>Dương</b> | 14/06/2004 | LKT K47     | Khuyết tật           |
| 70  | 23A5020176 | Puih <b>Hàn</b>              | 15/11/2005 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 71  | 23A5020318 | Võ Quốc <b>Lâm</b>           | 18/10/2004 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 72  | 23A5020660 | Hoàng Anh <b>Thư</b>         | 20/07/2005 | LKT K47     | Khuyết tật           |
| 73  | 23A5020697 | Phạm Thị <b>Tình</b>         | 20/03/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 74  | 23A5020724 | Võ Thị Thu <b>Trang</b>      | 10/04/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 75  | 23A5020744 | Phạm Thị <b>Trọng</b>        | 16/03/2005 | LKT K47     | Con TB-08            |
| 76  | 23A5020830 | Hồ Thị <b>Chung</b>          | 05/09/2003 | LKT K47     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 77  | 24A5010120 | Trần Đình <b>Cao</b>         | 20/08/2006 | Luật K48    | Con TB-08            |
| 78  | 24A5010254 | Lê Hương <b>Giang</b>        | 10/04/2006 | Luật K48    | Khuyết tật           |
| 79  | 24A5010271 | Chu Thị Thu <b>Hà</b>        | 23/02/2006 | Luật K48    | DT - Hộ nghèo        |
| 80  | 24A5010481 | Sầm Thị Kiều <b>Khang</b>    | 27/04/2006 | Luật K48    | DT - Hộ nghèo        |
| 81  | 24A5010641 | Nông Thị <b>Miến</b>         | 02/02/2006 | Luật K48    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 82  | 24A5010729 | Hoàng Mai Bảo <b>Ngọc</b>    | 25/06/2006 | Luật K48    | Con TB-08            |
| 83  | 24A5010996 | Trương Thanh <b>Tài</b>      | 09/07/2006 | Luật K48    | Con TB-08            |
| 84  | 24A5011058 | Trần Thị Phương <b>Thảo</b>  | 17/01/2006 | Luật K48    | Con TB-08            |
| 85  | 24A5011121 | Vi Thị <b>Thúy</b>           | 30/01/2006 | Luật K48    | DT - Hộ nghèo        |
| 86  | 24A5011212 | Hồ Đình <b>Trí</b>           | 21/09/2005 | Luật K48    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 87  | 24A5011240 | A Lăng <b>Trung</b>          | 20/02/2006 | Luật K48    | DT - Hộ nghèo        |
| 88  | 24A5011292 | Coor Việt <b>Úc</b>          | 31/10/2006 | Luật K48    | DT - Hộ cận nghèo    |
| 89  | 24A5020003 | Nguyễn Vy <b>An</b>          | 03/08/2006 | LKT K48     | Con mồ côi           |
| 90  | 24A5020099 | Y <b>Biển</b>                | 03/10/2006 | LKT K48     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 91  | 24A5020105 | Nguyễn Quốc <b>Cầu</b>       | 13/08/2005 | LKT K48     | Con TB-08            |
| 92  | 24A5020109 | Lý Thị Hồng <b>Châu</b>      | 24/06/2005 | LKT K48     | DT - Hộ nghèo        |
| 93  | 24A5020204 | Hồ Thị Bích <b>Gái</b>       | 22/01/2006 | LKT K48     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 94  | 24A5020220 | Ksor <b>Hà</b>               | 24/04/2006 | LKT K48     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 95  | 24A5020286 | H- <b>Leo</b>                | 17/01/2006 | LKT K48     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 96  | 24A5020302 | Trần Thị Thanh <b>Hoài</b>   | 06/07/2006 | LKT K48     | Con mồ côi           |
| 97  | 24A5020643 | Nguyễn Tứ <b>Ngọc</b>        | 29/10/2005 | LKT K48     | Con TB-08            |
| 98  | 24A5021108 | La Thành <b>Trung</b>        | 12/01/2006 | LKT K48     | DT - Hộ cận nghèo    |
| 99  | 24A5021230 | Nguyễn Văn <b>Hiếu</b>       | 26/03/2005 | LKT K48     | DT - Hộ nghèo        |
| 100 | 24A5020666 | Văn Bá Tâm <b>Nguyên</b>     | 04/11/2006 | LKT K48     | Con TB-08            |

(Có 100 sinh viên được miễn học phí)

## II. GIẢM 70% HỌC PHÍ

| STT | Mã SV      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 20A5011050 | Đinh Thị <b>Nguyên</b> | 22/10/2002 | Luật K45    | DT - 135             |
| 2   | 21A5010007 | H - Ngân <b>Ayun</b>   | 03/05/2003 | Luật K45    | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên      |         | Ngày sinh  | Khóa,<br>ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------|---------|------------|----------------|----------------------|
| 3   | 21A5010013 | Lê Hồng        | Đức     | 03/03/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 4   | 21A5010043 | Rơ Châm Nhật   | Nga     | 08/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 5   | 21A5010064 | Nguyễn Hiểu    | Phương  | 02/10/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 6   | 21A5010101 | Siu            | Uôn     | 31/12/2000 | Luật K45       | DT - 135             |
| 7   | 21A5010166 | Nay            | Quyết   | 30/04/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 8   | 21A5010172 | Hồ Văn         | Sỹ      | 04/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 9   | 21A5010180 | Hồ Văn         | Tính    | 14/09/2001 | Luật K45       | DT - 135             |
| 10  | 21A5010204 | Triệu Trung    | Kiên    | 15/04/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 11  | 21A5010315 | Puih H' Mỹ     | Linh    | 28/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 12  | 21A5010482 | Đình Văn       | Dum     | 01/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 13  | 21A5010499 | Hồ Nhân        | Dũng    | 16/02/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 14  | 21A5010525 | A              | Gió     | 25/06/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 15  | 21A5010765 | Vì Văn         | Lực     | 08/01/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 16  | 21A5010796 | Ksor H'        | Mười    | 16/09/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 17  | 21A5010880 | Quang Cẩm      | Nhi     | 07/11/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 18  | 21A5010950 | Coor           | Phúc    | 28/03/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 19  | 21A5010963 | Hồ Thị         | Phụng   | 18/02/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 20  | 21A5011214 | Phạm Huýnh Anh | Trung   | 14/05/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 21  | 21A5011318 | Siu            | H' Uyên | 07/08/2002 | Luật K45       | DT - 135             |
| 22  | 21A5011330 | Đình Thị       | Nguyệt  | 16/08/2003 | Luật K45       | DT - 135             |
| 23  | 21A5020043 | Nông Thị       | Lan     | 22/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 24  | 21A5020049 | Rcom H         | Lisa    | 10/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 25  | 21A5020187 | Alê Hờ Sun     | Ny      | 26/06/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 26  | 21A5020361 | Hồ Thị Hồng    | Ánh     | 01/09/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 27  | 21A5020645 | Ô Lý Y Sun     | Ju      | 19/05/2003 | LKT K45        | DT - 135             |
| 28  | 22A5010011 | Hồ Hoài        | Anh     | 25/10/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 29  | 22A5010026 | Nay            | H' Chăm | 24/10/2003 | Luật K46       | DT - 135             |
| 30  | 22A5010036 | Hồ Văn         | Cừu     | 01/04/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 31  | 22A5010070 | Y Bắc          | Êñuôl   | 23/06/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 32  | 22A5010071 | Hà             | Giảm    | 24/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 33  | 22A5010089 | K'sor          | Hanh    | 28/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 34  | 22A5010096 | Mai Thị Thu    | Hiền    | 18/08/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 35  | 22A5010124 | Trần Lê Việt   | Hùng    | 17/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 36  | 22A5010148 | A              | Khoa    | 04/05/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 37  | 22A5010189 | Hồ Thị Yến     | Ly      | 25/07/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 38  | 22A5010192 | Y Mai          | Ly      | 25/10/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 39  | 22A5010199 | Rơ Châm        | Mìn     | 14/02/2004 | Luật K46       | DT - 135             |
| 40  | 22A5010203 | H Ja Na        | Mlô     | 28/11/2004 | Luật K46       | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên              |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 41  | 22A5010204 | H' Trắng               | <b>MI</b>     | 08/02/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 42  | 22A5010225 | Lê Văn                 | <b>Nghe</b>   | 02/08/2003 | Luật K46    | DT - 135             |
| 43  | 22A5010227 | Ksor                   | <b>Nghe</b>   | 08/08/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 44  | 22A5010235 | La O Thị Thu           | <b>Nguyet</b> | 20/02/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 45  | 22A5010261 | Y Diên                 | <b>Ni</b>     | 02/06/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 46  | 22A5010268 | Rơ Châm                | <b>Ph</b>     | 25/07/2002 | Luật K46    | DT - 135             |
| 47  | 22A5010295 | Rơ Lan                 | <b>Quy</b>    | 26/05/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 48  | 22A5010320 | Rơ Mah                 | <b>Thai</b>   | 09/11/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 49  | 22A5010342 | Sùng A                 | <b>Th</b>     | 11/03/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 50  | 22A5010374 | Nguyễn Đức             | <b>Tinh</b>   | 02/08/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 51  | 22A5010424 | Đoàn Thị Kim Thảo Buôn | <b>Ya</b>     | 15/08/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 52  | 22A5010446 | Phạm Thị Ngọc          | <b>Anh</b>    | 20/12/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 53  | 22A5010462 | Hồ Thủy                | <b>Chung</b>  | 13/10/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 54  | 22A5010468 | Lê Thị                 | <b>Đào</b>    | 15/01/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 55  | 22A5010543 | Nay                    | <b>H'yu</b>   | 19/11/2001 | Luật K46    | DT - 135             |
| 56  | 22A5010557 | Lương Thúy             | <b>Kieu</b>   | 29/04/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 57  | 22A5010566 | Ksor H                 | <b>Li</b>     | 12/04/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 58  | 22A5010589 | Quách Thị Thanh        | <b>Mai</b>    | 28/05/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 59  | 22A5010627 | Hồ Đình                | <b>Ngoc</b>   | 01/10/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 60  | 22A5010684 | Rơ Châm                | <b>Phyui</b>  | 02/04/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 61  | 22A5010764 | Rơ Mah Thị Huyền       | <b>Trang</b>  | 12/09/2004 | Luật K46    | DT - 135             |
| 62  | 22A5010778 | Vi Văn                 | <b>Tu</b>     | 12/10/2003 | Luật K46    | DT - 135             |
| 63  | 21A5020764 | Mai Thị Trà            | <b>My</b>     | 27/08/2003 | LKT K46     | DT - 135             |
| 64  | 22A5010822 | Ksor                   | <b>Hiep</b>   | 15/07/2003 | LKT K46     | DT - 135             |
| 65  | 22A5020305 | Nông Thị Hồng          | <b>Nhi</b>    | 08/07/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 66  | 22A5020327 | Hồ Tựa Xuân            | <b>Phong</b>  | 09/01/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 67  | 22A5020488 | Trần Quốc              | <b>Viet</b>   | 28/11/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 68  | 22A5020531 | Lương Thị Ngọc         | <b>Anh</b>    | 15/06/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 69  | 22A5020641 | Hồ Trương Thị Ly       | <b>Na</b>     | 30/07/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 70  | 22A5020677 | Nguyễn Thị Thanh       | <b>Nhien</b>  | 04/06/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 71  | 22A5020766 | Lê Thị Kiều            | <b>Trang</b>  | 11/11/2004 | LKT K46     | DT - 135             |
| 72  | 22A5020798 | Hồ Thị Ngọc            | <b>Xoan</b>   | 22/02/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 73  | 23A5010022 | Ksor Quỳnh             | <b>Anh</b>    | 08/01/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 74  | 23A5010068 | Arát Mai Gia           | <b>Chan</b>   | 05/01/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 75  | 23A5010073 | Đình Văn               | <b>Chau</b>   | 21/03/2003 | Luật K47    | DT - 135             |
| 76  | 23A5010192 | Siu                    | <b>Hao</b>    | 31/01/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 77  | 23A5010198 | Lý Thị                 | <b>Hien</b>   | 10/08/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 78  | 23A5010238 | Hồ Quốc                | <b>Hung</b>   | 07/01/2005 | Luật K47    | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------|--------|------------|-------------|----------------------|
| 79  | 23A5010251 | Rơ Châm Siu      | Hương  | 25/11/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 80  | 23A5010303 | Hà Tuấn          | Kiệt   | 11/07/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 81  | 23A5010316 | Trần Tổ          | Lan    | 21/10/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 82  | 23A5010357 | Phạm Tùng        | Linh   | 18/04/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 83  | 23A5010403 | Y-jơ             | Man    | 16/08/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 84  | 23A5010427 | Đinh Thị         | My     | 04/02/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 85  | 23A5010446 | Trần Tổ          | Nga    | 21/10/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 86  | 23A5010479 | Zơ Râm Thị Bích  | Ngọc   | 24/04/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 87  | 23A5010529 | Đinh Thị         | Nhi    | 11/12/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 88  | 23A5010630 | Pơ Loong         | Quỳnh  | 12/02/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 89  | 23A5010649 | Nguyễn Thị       | Sữa    | 20/10/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 90  | 23A5010670 | Lường Ngọc       | Thắng  | 27/10/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 91  | 23A5010680 | Poloong          | Thành  | 24/12/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 92  | 23A5010689 | Trương Thị       | Thảo   | 04/01/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 93  | 23A5010690 | Đinh Thị Thiên   | Thảo   | 12/04/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 94  | 23A5010741 | Hồ Ngọc          | Thương | 11/10/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 95  | 23A5010801 | A Lăng Minh      | Trí    | 26/03/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 96  | 23A5010820 | Hồ Lê Kỳ         | Trung  | 14/03/2005 | Luật K47    | DT - 135             |
| 97  | 23A5010909 | A Viết           | Doanh  | 27/12/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 98  | 23A5010920 | A Rất            | Thọ    | 25/03/2004 | Luật K47    | DT - 135             |
| 99  | 23A5020237 | H'               | Trâm   | 27/03/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 100 | 23A5020368 | Giàng A          | Ly     | 01/09/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 101 | 23A5020388 | H- Đoan          | Mlô    | 23/04/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 102 | 23A5020436 | Lương Thị Bảo    | Ngọc   | 23/07/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 103 | 23A5020580 | Hồ Tấn           | Sang   | 12/07/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 104 | 23A5020687 | Pơ Loong Thị Như | Thuyền | 16/09/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 105 | 23A5020734 | Hồ Bá            | Triều  | 31/08/2005 | LKT K47     | DT - 135             |
| 106 | 23A5020829 | Rapát Thị        | Ana    | 01/02/2004 | LKT K47     | DT - 135             |
| 107 | 23A5020832 | Rơ Mal           | H'vy   | 13/10/2004 | LKT K47     | DT - 135             |
| 108 | 23A5020833 | Y                | Trúc   | 12/08/2003 | LKT K47     | DT - 135             |
| 109 | 24A5010092 | Nay H'           | Ấu     | 15/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 110 | 24A5010095 | Phạm Văn         | Bách   | 03/10/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 111 | 24A5010100 | Đỗ Thiên         | Bảo    | 27/06/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 112 | 24A5010125 | Nguyễn Thị Thanh | Châu   | 10/11/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 113 | 24A5010145 | Tơ Ngôn Nam      | Chun   | 09/04/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 114 | 24A5010151 | Hồ Anh           | Tín    | 24/09/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 115 | 24A5010174 | A Rất            | Đạt    | 25/04/2003 | Luật K48    | DT - 135             |
| 116 | 24A5010228 | Đinh Nguyễn Thùy | Dương  | 20/04/2006 | Luật K48    | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên                       | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|---------------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 117 | 24A5010234 | Hồ Nguyên <b>Duy</b>            | 12/12/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 118 | 24A5010241 | Hồ Thị Hữu <b>Duyên</b>         | 13/11/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 119 | 24A5010252 | Hồ Trường <b>Giang</b>          | 05/07/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 120 | 24A5010296 | Rơ Mah <b>Hăng</b>              | 20/10/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 121 | 24A5010299 | Hồ Thị Thúy <b>Hăng</b>         | 28/09/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 122 | 24A5010351 | Rơ Châm <b>H'Liểu</b>           | 24/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 123 | 24A5010370 | Hồ Anh <b>Hoàng</b>             | 10/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 124 | 24A5010421 | Siu <b>Hương</b>                | 21/04/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 125 | 24A5010438 | Nguyễn Lâm <b>Huy</b>           | 18/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 126 | 24A5010473 | Siu <b>Kế</b>                   | 03/09/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 127 | 24A5010481 | Sầm Thị Kiều <b>Khang</b>       | 27/04/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 128 | 24A5010502 | Hồ Lê Đại <b>Khương</b>         | 27/08/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 129 | 24A5010555 | Lê Thị Thuỳ <b>Linh</b>         | 08/12/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 130 | 24A5010602 | Vừ Bá <b>Lữ</b>                 | 03/11/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 131 | 24A5010685 | Hồ Hoài <b>Nam</b>              | 21/10/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 132 | 24A5010721 | Nguyễn Thành <b>Nghĩa</b>       | 22/04/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 133 | 24A5010824 | Rơ Châm <b>Nhiêng</b>           | 15/05/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 134 | 24A5010848 | H' Hoa - <b>Niê</b>             | 25/09/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 135 | 24A5010851 | Hà Kiều <b>Oanh</b>             | 15/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 136 | 24A5010890 | Ca Thị Mai <b>Phương</b>        | 01/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 137 | 24A5010918 | Bờ Nướch Thị <b>Phượng</b>      | 01/01/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 138 | 24A5010926 | Nguyễn Quốc <b>Quân</b>         | 12/10/2001 | Luật K48    | DT - 135             |
| 139 | 24A5010955 | Bờ Nướch <b>Quyết</b>           | 18/10/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 140 | 24A5011008 | Thành Trương Nữ Minh <b>Tâm</b> | 09/11/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 141 | 24A5011033 | Zơ Râm <b>Thắng</b>             | 02/10/2004 | Luật K48    | DT - 135             |
| 142 | 24A5011039 | Alăng <b>Thành</b>              | 26/02/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 143 | 24A5011127 | Arát <b>Thủy</b>                | 10/02/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 144 | 24A5011150 | Hồ Duy <b>Tiến</b>              | 09/01/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 145 | 24A5011244 | Phạm Quốc <b>Trung</b>          | 20/05/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 146 | 24A5011282 | Đinh Quang <b>Tường</b>         | 17/01/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 147 | 24A5011283 | Lê Thị <b>Tuy</b>               | 26/06/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 148 | 24A5011291 | Y <b>Tuyết</b>                  | 21/01/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 149 | 24A5011292 | Coor Việt <b>Úc</b>             | 31/10/2006 | Luật K48    | DT - 135             |
| 150 | 24A5011375 | De Kheri Du <b>Bing</b>         | 11/10/2005 | Luật K48    | DT - 135             |
| 151 | 24A5011391 | Phan Chí <b>Chữ</b>             | 14/09/2003 | Luật K48    | DT - 135             |
| 152 | 24A5020002 | Đinh Thị Hoài <b>An</b>         | 14/11/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 153 | 24A5020004 | Nông Thị <b>An</b>              | 21/12/2005 | LKT K48     | DT - 135             |
| 154 | 24A5020006 | Ploong Thị Ái <b>An</b>         | 28/03/2005 | LKT K48     | DT - 135             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên      |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 155 | 24A5020181 | Trần Thị Thu   | <b>Dung</b>   | 13/03/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 156 | 24A5020218 | Hà Thị Thu     | <b>Hà</b>     | 31/03/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 157 | 24A5020330 | Đình Dương     | <b>Hưng</b>   | 13/02/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 158 | 24A5020365 | Trần Quang     | <b>Huy</b>    | 24/06/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 159 | 24A5020429 | Rõm - Hoàng    | <b>Kim</b>    | 21/03/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 160 | 24A5020597 | Y Giang Ly     | <b>Na</b>     | 21/07/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 161 | 24A5020597 | Nay-           | <b>Việt</b>   | 18/04/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 162 | 24A5020672 | Rơ Châm        | <b>Nguyệt</b> | 12/10/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 163 | 24A5020703 | Lữ Bùi Lam     | <b>Nhi</b>    | 10/07/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 164 | 24A5020713 | Rơ Châm        | <b>Nhi</b>    | 13/10/2005 | LKT K48     | DT - 135             |
| 165 | 24A5020835 | Y              | <b>Quyết</b>  | 10/11/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 166 | 24A5020875 | Alăng Thúy     | <b>Tâm</b>    | 08/11/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 167 | 24A5020916 | Bùi Thị Kim    | <b>Thao</b>   | 23/10/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 168 | 24A5021013 | Lưu Hải        | <b>Tiến</b>   | 23/05/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 169 | 24A5021079 | Quách Thị Thu  | <b>Trang</b>  | 20/11/2005 | LKT K48     | DT - 135             |
| 170 | 24A5021134 | Y              | <b>Tuệ</b>    | 17/12/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 171 | 24A5021192 | Ksor Hà        | <b>Vy</b>     | 02/07/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 172 | 24A5021209 | Pơ Loong Anh   | <b>Vỹ</b>     | 07/08/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 173 | 24A5021220 | Lương Thị Thúy | <b>Yên</b>    | 24/09/2006 | LKT K48     | DT - 135             |
| 174 | 24A5021231 | Hồ Văn         | <b>Quân</b>   | 01/11/2004 | LKT K48     | DT - 135             |

*(Có 174 sinh viên được giảm 70% học phí)*

### III. GIẢM 50% HỌC PHÍ

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |              | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------|--------------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 21A5010144 | Nguyễn Minh      | <b>Hưng</b>  | 24/01/2003 | Luật K45    | Con CBTNLD           |
| 2   | 21A5020005 | Dương Thị Phương | <b>Chi</b>   | 20/03/2003 | LKT K45     | Con CBTNLD           |
| 3   | 21A5010286 | Vũ Phan Thanh    | <b>Thủy</b>  | 25/11/2003 | LKT K45     | Con CBTNLD           |
| 4   | 21A5020249 | Nguyễn Công      | <b>Thành</b> | 13/09/2000 | LKT K45     | Con CBTNLD           |
| 5   | 21A5021250 | Nguyễn Văn       | <b>Hiếu</b>  | 10/01/2002 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 6   | 22A5020001 | Lê Duy           | <b>An</b>    | 01/06/2004 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 7   | 22A5020338 | Lê Minh          | <b>Quân</b>  | 28/08/2004 | LKT K46     | Con CBTNLD           |
| 8   | 22A5020533 | Phạm Hoàng Thiên | <b>Bảo</b>   | 28/11/1004 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 9   | 23A5010347 | Vương Thị Khánh  | <b>Linh</b>  | 01/01/2005 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 10  | 23A5010452 | Trịnh Bích       | <b>Ngân</b>  | 15/10/2005 | Luật K47    | Con CBTNLD           |
| 11  | 23A5010641 | Lê Hoàng         | <b>Sang</b>  | 31/08/2005 | LKT K47     | Con CBTNLD           |
| 12  | 23A5020057 | Nguyễn Hoàng     | <b>Bảo</b>   | 03/01/2005 | LKT K47     | Con CBTNLD           |

| STT | Mã SV      | Họ và tên      |            | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------|------------|------------|-------------|----------------------|
| 13  | 23A5020822 | Nguyễn Thị Hải | <b>Yến</b> | 03/08/2005 | LKT K47     | Con CBTNLD           |
| 14  | 24A5010080 | Vũ Việt        | <b>Anh</b> | 23/07/2005 | Luật K48    | Con CBTNLD           |

*(Có 14 sinh viên được giảm 50% học phí)*